

Thanh thiếu niên và các giá trị về tình yêu, hôn nhân và cách ứng xử trong cuộc sống

Hà Thị Minh Khương

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Giá trị và định hướng giá trị có vai trò quan trọng trong sự hình thành nhân cách, lối sống và hành vi cá nhân trong xã hội, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Dựa vào số liệu của cuộc Điều tra tình dục và sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên tại Hà Nội được tiến hành năm 2006, bài viết tập trung xem xét các giá trị và định hướng giá trị về tình yêu, về quan hệ vợ chồng, về cách cư xử trong cuộc sống của thanh thiếu niên hiện nay. Kết quả từ nghiên cứu cho thấy một số giá trị truyền thống vẫn đang được thanh thiếu niên coi trọng như sự thủy chung, sự chia sẻ trong hoạn nạn, phẩm chất khiêm tốn và nhã nhặn trong ứng xử. Những giá trị mới đang được định hình và phát triển trong nhóm thanh thiếu niên như phản đối việc đánh vợ trong bất kỳ trường hợp nào; không coi ly dị như một hành vi gắn với giá trị đạo đức, đồng tình với việc phụ nữ có thể là người tử tình trước... Nghiên cứu này cũng cho thấy một số giá trị có sự khác biệt theo giới tính, nhóm tuổi, học vấn và khu vực sống của thanh thiếu niên.

Từ khóa: Thanh thiếu niên; Vị thành niên; Nhận thức giá trị của thanh thiếu niên;

1. Giới thiệu

Nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị trong quá trình biến đổi tâm lý, hành vi của cá nhân và của nhóm là chủ đề được các nhà tâm lý học và xã hội học quan tâm. Đối với mỗi một dân tộc, các giá trị hay chuẩn mực về cuộc sống đóng vai trò quan trọng và có thể định hướng xã hội theo những mục tiêu được coi là có ý nghĩa cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vai trò của các thang giá trị về cuộc sống phù hợp sẽ góp phần duy trì, thúc đẩy xã hội phát triển. Các thang giá trị về cuộc sống và sự lựa chọn giá trị sẽ tạo thành quan điểm sống của từng cá nhân (Đỗ Long, 1999; Đỗ Ngọc Hà, 2000).

Có nhiều định nghĩa về giá trị và định hướng giá trị trong các nghiên cứu ở Việt Nam. Định hướng giá trị là cơ sở tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ mà dựa vào đó chủ thể đánh giá hiện thực xung quanh và định hướng hiện thực đó; là cách thức cá nhân phân loại các khách thể theo giá trị của chúng. Định hướng giá trị ở cấp độ nhận thức chủ yếu phản ánh hệ chuẩn đánh giá của toàn bộ xã hội hoặc một nhóm xã hội (Lê Hương, 2003). Định hướng giá trị xã hội, đạo đức còn bao gồm các trách nhiệm xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị tích cực, hướng về cái tốt, cái đẹp, cái thiện, sống tình nghĩa, bảo vệ chính nghĩa, đề cao sự công bằng xã hội...; là sự sắp xếp, lựa chọn các giá trị có ý nghĩa đối với cá nhân hoặc nhóm, qua đó thể hiện thái độ ưa thích, ủng hộ và hành động để hiện thực hoá các giá trị đó (Lâm Thị Bích Hoà, 2009). Trong báo cáo này các khái niệm định hướng giá trị, thang giá trị, chuẩn mực sẽ được sử dụng với ý nghĩa như nhau.

Các thang giá trị có vai trò quan trọng trong sự hình thành nhân cách, lối sống và hành vi cá nhân trong xã hội, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Cùng với quá trình đổi mới, mở cửa của đất nước và tác động của nền kinh tế thị trường, nhiều chuẩn mực truyền thống hay giá trị văn hoá đã từng đóng vai trò chi phối và định hướng về giá trị của từng cá nhân cũng đang có những biến chuyển, đặc biệt là trong giới trẻ. “Trong ý thức của đại đa số thanh niên, nhiều giá trị được đề cao trong quá khứ được nhường chỗ cho những giá trị mới” (Đỗ Ngọc Hà, 2000:22). Lối sống hiện đại được coi là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ tới suy nghĩ và hành động của thanh thiếu niên thông qua các hoạt động hàng ngày, thông qua điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như truyền thông, sách vở, internet...

Trên thực tế những năm gần đây thanh thiếu niên là đối tượng quan

tâm nghiên cứu từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, đặc biệt là tiếp cận từ tâm lý học. Có một số nghiên cứu đã đề cập tới khía cạnh nhân cách của thanh thiếu niên quan việc xem xét thái độ, cách ứng xử và định hướng giá trị về tình yêu, hôn nhân và trong cuộc sống. Một số tác giả đã chỉ ra rằng thanh thiếu niên hiện nay đã khá cởi mở với những vấn đề cấm kỵ hoặc những vấn đề từng được coi là nhạy cảm như quan hệ tình dục, quan hệ trước hôn nhân, vấn đề trinh tiết... (các nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu phát triển y tế cộng đồng (CCRD) 2008; Đỗ Ngọc Hà, 2000; Đỗ Long 1999, Nguyễn Thị Mai Lan 2009 v.v.). Sự thay đổi về quan điểm, hành vi và lối sống của thanh thiếu niên cũng được một số nghiên cứu đề cập và cho rằng đang có sự thay đổi sâu rộng từ các giá trị truyền thống sang các giá trị hiện đại. Ví dụ kết quả đo đạc giá trị của đề tài KX-07 do Viện Nghiên cứu Con người, Viện Khoa học xã hội Việt Nam tiến hành nghiên cứu sau gần 10 năm đổi mới trong xã hội cho thấy các định hướng giá trị ở thanh niên, học sinh, sinh viên chủ yếu biến đổi theo xu hướng: Di chuyển từ những giá trị quan trọng về tinh thần sang những giá trị dựa vào kinh tế nhiều hơn; Từ nhấn mạnh hơn đến quyền lợi xã hội, cộng đồng, tập thể sang tập trung vào những quyền lợi cá nhân (Phạm Minh Hạc, 2007).

Khi phân tích 4 hệ chỉ báo đo lường định hướng giá trị của sinh viên như: nhóm giá trị học vấn và tri thức; về lao động nghề nghiệp; về quan hệ ứng xử và giá trị truyền thống và hiện đại, với 2 tiêu chí đánh giá là “giá trị được lựa chọn” và “giá trị coi là cần thiết”, kết quả nghiên cứu của Đặng Vũ Cảnh Linh (2008) cho thấy tỷ lệ sinh viên lựa chọn các giá trị giao tiếp, ứng xử cao nhất, xếp thứ tự số 1 trong nhóm giá trị lựa chọn và đứng thứ hai trong nhóm giá trị coi là cần thiết. Nghiên cứu của Huỳnh Văn Sơn (2009) về lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên cũng cho thấy sinh viên vẫn giữ được sự cân bằng trong việc đánh giá tầm quan trọng của các giá trị đạo đức nhân văn truyền thống và giá trị đạo đức nhân văn hiện đại trong định hướng lối sống của mình. Trong số 32 giá trị để sinh viên lựa chọn thì nhóm giá trị truyền thống trong gia đình là sự hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ được đánh giá “rất quan trọng”.

Việc tìm hiểu về giá trị và định hướng giá trị của thanh thiếu niên là điều cần thiết vì thực tiễn xã hội và nhận thức luôn thay đổi. Những hiểu biết về thái độ của thanh thiếu niên về thang giá trị sẽ giúp gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội nhìn nhận đầy đủ hơn về cuộc sống của nhóm xã hội này, đồng thời có sự quan tâm đúng mức tới việc góp phần

xây dựng và hình thành nhân cách, đạo đức và cách ứng xử của thanh thiếu niên phù hợp với đời sống xã hội trong thời kỳ mới.

Bài viết sử dụng số liệu của cuộc Điều tra tình dục và sức khỏe sinh sản vị thành niên (VTN) và thanh niên (TN) năm 2006 tại 7 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành của Hà Nội gồm: Cầu Giấy, Đống Đa, Ba Đình, Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai và 5 huyện: Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Từ Liêm của Hà Nội. Có 6363 vị thành niên và thanh niên độ tuổi 15-24 đã tham gia vào cuộc điều tra này.

Để tìm hiểu những thang giá trị về tình yêu, hôn nhân và cuộc sống của VTN và TN, nghiên cứu này sử dụng một số chỉ báo được đặt ra trong bảng hỏi bằng các tình huống cụ thể để xem xét định hướng giá trị về tình yêu và hôn nhân của VTN và TN. Cụ thể bao gồm các tình huống sau: 1) Người li dị sẽ bị mất thể diện trước mọi người; 2) Trong một số trường hợp, việc chồng đánh vợ là có thể chấp nhận được; 3) Dù chồng thành công hay thất bại, phụ nữ vẫn nên sát cánh bên chồng; 4) Phụ nữ không nên là người tỏ tình trước. Ngoài ra còn có các thang giá trị về cách ứng xử trong cuộc sống như: 1) Người ta nên quan tâm đến nhu cầu của người khác trước khi quan tâm đến nhu cầu của bản thân; và 2) Người ta nên khiêm tốn và nhã nhặn.

Các thông tin thu thập được chủ yếu là các giá trị ở cấp độ nhận thức, phản ánh sự đánh giá của một nhóm xã hội là thanh thiếu niên. Vì vậy, nghiên cứu này giả định rằng dù thái độ đồng ý hay không, hoặc không có ý kiến, các phương án được lựa chọn phân nào thể hiện quan điểm của thanh thiếu niên đối với các nhận định giá trị nêu trên và từ đó đi đến kết luận liệu họ là những người ủng hộ hoặc không ủng hộ cho các giá trị chuẩn mực phổ biến mang tính truyền thống về tình yêu và hôn nhân như: nam giới là người tỏ tình, cầu hôn, đề cao sự chung thủy, sự nhẫn nhịn và chịu đựng của người vợ trong việc duy trì không khí hoà thuận trong gia đình...; hoặc về các giá trị chuẩn mực trong cách cư xử như đề cao lợi ích tập thể, có hướng đặt lợi ích bản thân thấp hơn, hay đề cao phẩm chất khiêm tốn, nhã nhặn trong quan hệ xã hội... Thái độ của thanh thiếu niên về những nhận định nêu trên phân nào phản ánh những mong muốn của thanh thiếu niên đối với những khuôn mẫu hành vi trong thực tế, tuy nhiên chưa hẳn đã phản ánh đầy đủ sự lựa chọn về thang giá trị của họ. Nghiên cứu này nhằm trả lời hai câu hỏi: Một là thanh thiếu niên đánh giá như thế nào về các giá trị về tình yêu, hôn

nhân và cách ứng xử trong cuộc sống và hai là những đánh giá này bị ảnh hưởng từ các yếu tố nào? Các biến số độc lập được phân tích ở đây bao gồm giới tính, học vấn, hiện có việc làm được trả công, nhóm tuổi và nơi sống của thanh thiếu niên khi 14 tuổi.

2. Các phát hiện

2.1 Quan điểm đối với các giá trị về tình yêu

Để tìm hiểu các giá trị về tình yêu nghiên cứu này sử dụng hai nhận định được đặt ra trong bảng hỏi là “Phụ nữ không nên là người tỏ tình trước” và “Dù chồng thành công hay thất bại phụ nữ vẫn nên sát cánh bên chồng”. Kết quả ở Bảng 1 cho thấy chỉ có 44,4% ý kiến đồng ý với nhận định “Phụ nữ không nên là người tỏ tình trước”, trong đó nữ đồng ý cao hơn so với nam (46,2% và 42,6%). Có 35,2% không đưa ra ý kiến và tỷ lệ không đồng ý là 20,4%, không có sự khác biệt giữa nam và nữ VTN và TN ở hai phương án trả lời này. Tỷ lệ đồng ý với việc “Phụ nữ không nên là người tỏ tình trước” của nam ở nhóm tuổi 21-24, học vấn cao, sống ở nội thành Hà Nội và các tỉnh khác, không có việc làm được trả công thấp hơn so với các nhóm nam còn lại (Bảng 3). Xét theo trong nhóm nữ, có sự khác biệt rất rõ ràng theo học vấn, nhóm tuổi, khu vực sống và việc làm được trả công về tỷ lệ đồng ý với nhận định “phụ nữ không nên là người tỏ tình trước”. Cụ thể, nhóm nữ tuổi 15-17 có tỷ lệ đồng ý cao hơn so với hai nhóm tuổi còn lại (23% so với khoảng 17%). Nhóm nữ học vấn tiểu học và trung học cơ sở (THCS) có tỷ lệ đồng ý cao trên dưới 2 lần so với nhóm trung học phổ thông (THPT) và trung cấp, cao đẳng và đại học trở lên (TC, CĐ, ĐH+) (38,9% và 24,8% so với khoảng cùng 16%). Nữ thanh thiếu niên sinh sống ở ngoại thành khi 14 tuổi nói chung có tỷ lệ đồng ý cao hơn, ví dụ 24,5% ở ngoại thành Hà Nội so với 16,9% nội thành; 20% ngoại thành tỉnh khác so với 1% nội thành tỉnh khác; 22,7% nữ có việc làm được trả công so nhóm không việc làm là 13,3% (Bảng 4). Như vậy, nữ VTN và TN có học vấn cao hơn, ở nhóm tuổi lớn hơn, sống ở nội thành khi 14 tu và có việc làm công tỏ ra chủ động hơn so với nhóm còn lại khi chọn thái độ chủ động bày tỏ tình yêu.

Đối với nhận định “Dù chồng thành công hay thất bại phụ nữ vẫn nên sát cánh bên chồng”, kết quả cho thấy hầu hết (93,9%) VTN và TN đồng ý với nhận định này; chỉ có 5,3% không đưa ra ý kiến và chưa đến 1% không đồng ý (Bảng 1). Không có sự khác biệt giữa nam và nữ VTN và

Bảng 1. Thái độ của thanh thiếu niên trước các nhận định về tình yêu và hôn nhân (%)

	Không đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Tổng	N
Dù chồng thành công hay thất bại phụ nữ vẫn nên sát cánh bên chồng	0,8	93,9	5,3	100	6363
Phụ nữ không nên là người tử tình trước	44,4	20,4	35,2	100	6363
Trong một số trường hợp, việc chồng đánh vợ là có thể chấp nhận được	74,2	12,0	13,9	100	6363
Người li dị sẽ bị mất thể diện trước mọi người	55,3	16,8	27,9	100	6363

TN ở cả ba phương án trả lời về nhận định này, ví dụ, ở tỷ lệ đồng ý là ngang nhau giữa nam và nữ (93% và 94,7%). Xét theo nhóm tuổi của nam VTN và TN cho thấy không có sự khác biệt đáng kể, ví dụ ở nhóm nam tuổi 15-17 và 18-20 tỷ lệ không đưa ra ý kiến cao hơn so với nhóm 21-24, ngược lại tỷ lệ đồng ý ở nhóm tuổi này cao hơn (94,5% so với trên dưới 92%). Kết quả này cũng gần tương tự như ở nhóm nữ VTN và TN song sự khác biệt này lại thể hiện lại rõ ràng hơn giữa nhóm trẻ tuổi nhất so với hai nhóm tuổi cao hơn. Ví dụ có 91,9% nữ VTN và TN ở nhóm tuổi 15-17 đồng ý so với tỷ lệ khoảng 96% ở cả hai nhóm tuổi 10-20 và 21-24 hoặc tỷ lệ không đưa ra ý kiến là 7% so với khoảng hơn 3%.

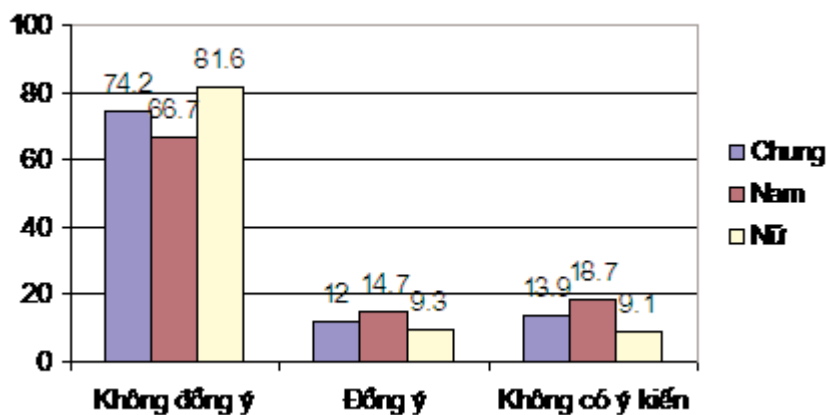
Không có sự khác biệt trong ý kiến của VTN và TN theo học vấn. Tỷ lệ không đưa ra ý kiến tập trung nhiều hơn ở nhóm VTN và TN có học vấn thấp hơn, ví dụ ở nhóm nam học vấn tiểu học là 6,3% và trung học cơ sở là 7,2% so với bậc THPT là 5,8% và 3,4% ở bậc trung cấp, cao đẳng trở lên. Đáng chú ý là tỷ lệ không có ý kiến ở nhóm nữ có học vấn tiểu học cao hơn đáng kể so với nam (11,3% so với 6,3%). Xét theo nơi sống của thanh thiếu niên khi ở độ tuổi 14 cho thấy, tỷ lệ đồng ý với nhận định này ở nhóm thanh thiếu niên sống ở khu vực nội thành Hà Nội là thấp nhất 90,3% (Bảng 3). Như vậy, tỷ lệ đồng ý tăng dần theo nhóm

tuổi, học vấn và nơi sống khi 14 tuổi của nam VTN, nhưng không có khác biệt nhiều, ví dụ ở nhóm tuổi 15-17 tỷ lệ đồng ý là 91,6%, ở nhóm tuổi 18-20 là 92,4% và 94,5% ở nhóm 21-24. Không có khác biệt theo việc làm có trả công. Tỷ lệ nữ ở nhóm tuổi 15-17, học vấn tiểu học có tỷ lệ đồng ý với nhận định này thấp hơn so với hai nhóm tuổi và các nhóm học vấn còn lại. Nội thành Hà Nội và các tỉnh khác có tỷ lệ đồng ý thấp hơn so với khu vực ngoại thành.

2.2 Quan điểm về các giá trị trong quan hệ vợ chồng

Có nhiều các giá trị chuẩn mực tốt đẹp về mối quan hệ vợ chồng nhưng đồng thời cũng có những quan niệm truyền thống về giới có lợi cho nam giới như quan niệm nam giới làm chủ gia đình và phụ nữ là người phụ thuộc và chăm sóc con cái; nam giới có thể được lấy thêm vợ, người phụ nữ phải nhẫn nhịn, chiều chồng... Trong những năm gần đây, các mục tiêu cho bình đẳng giới đã và đang được tuyên truyền rộng rãi. Có thể thấy sự thay đổi trong quan niệm về vấn đề giới là một yếu tố để đánh giá sự tiến bộ/phát triển của một xã hội. Vậy thanh thiếu niên hiện nay có thái độ ra sao với những giá trị về quan hệ vợ chồng trong gia đình. Kết quả đã cho thấy khoảng 2/3 ý kiến VTN và TN không đồng ý với nhận định “Trong một số trường hợp, việc chồng đánh vợ là có thể chấp nhận được” (74,2%), đáng chú ý là ý kiến của nữ VTN và TN cao

Biểu đồ 1. Quan niệm của nam, nữ VTN và TN về nhận định “Trong một số trường hợp, việc chồng đánh vợ là có thể chấp nhận được” (%)



hơn đáng kể so với nam (81,6% so với 66,7%). Có thể thấy đa số họ đã thể hiện phản ứng mạnh mẽ và rõ ràng về vấn đề bạo lực của người chồng đối với vợ, liệu có thể coi đây là một điểm tích cực trong nhận thức từ chính thể hệ nữ thời đại mới? Tuy nhiên, có 13,9% không đưa ra ý kiến và tỷ lệ đồng ý là 12%, trong đó tỷ lệ nam VTN và TN cao hơn nữ trên dưới 2 lần (18,7% so với 9,1% và 14,7% so với 9,3%). Đây là tương quan có ý nghĩa thống kê (P.value = .000) cho thấy đây không phải mối quan hệ ngẫu nhiên (Biểu đồ 1).

Xét trong nhóm nam thanh thiếu niên, tỷ lệ đồng ý với việc chồng đánh vợ không có khác biệt theo nhóm tuổi, việc làm có trả công, theo học vấn (mặc dù nhóm nam thanh niên có học vấn tiểu học và nhóm TC, CĐ, ĐH trở lên có thấp hơn, khoảng trên dưới 12% so với 14-16% đối với các nhóm còn lại). Nhưng nam thanh thiếu niên khi 14 tuổi sống ở ngoại thành Hà Nội và tỉnh khác có tỷ lệ đồng ý cao hơn so với nhóm sống ở nội thành (Bảng 3). Tỷ lệ đồng ý với việc chồng đánh vợ trong một số trường hợp không có khác biệt giữa các nhóm nữ thanh thiếu niên theo nhóm tuổi, việc làm được trả công. Nhóm nữ thanh thiếu niên có học vấn tiểu học, sống ở khu vực nội và ngoại thành tỉnh khác khi 14 tuổi có tỷ lệ đồng ý cao hơn so với các nhóm học vấn khác và sống ở khu vực nội ngoại thành Hà Nội (Bảng 4).

Về thái độ đối với việc ly hôn, kết quả cho thấy nhiều điều đáng quan tâm. Trong xã hội phong kiến việc chấm dứt hôn nhân do chết hoặc ly hôn được quy định trong một số bộ Luật như luật Hồng Đức ban hành năm 1483 dưới thời Lê Sơ và luật Gia Long ban hành năm 1815 dưới thời Nguyễn. Mặc dù đã có điều khoản cho phép ly dị nhưng ly dị vẫn là điều hiếm xảy ra. Trong xã hội hiện đại ly hôn đang ngày càng gia tăng nhưng thái độ nhìn nhận đối với những người ly hôn còn khá khắt khe. Tuy nhiên, kết quả cho thấy có hơn một nửa ý kiến VTN và TN không đồng ý với nhận định “Người li dị sẽ bị mất thể diện trước mọi người” (55,3%). Như vậy có khoảng hơn một nửa VTN và TN cho rằng ly hôn cũng là điều bình thường trong xã hội và họ không coi việc ly dị như một hành vi gắn với giá trị đạo đức và thể diện. Nữ TN và VTN có tỷ lệ không đồng ý cao hơn nam (59,5% so với 51%). Tỷ lệ đồng ý với nhận định này chỉ chiếm 16,8%, trong đó ý kiến của nam cao hơn nữ (19,8% so với 13,9%), tỷ lệ không đưa ra ý kiến là khá cao 27,9%, trong đó nam cao hơn nữ không đáng kể (29,2% so với 26,6%) (P.value = 000).

Nam thanh thiếu niên ở nhóm trẻ tuổi hơn, học vấn thấp hơn, có việc

làm trả công có tỷ lệ đồng ý rằng người ly dị sẽ bị mất thể diện cao hơn. Xét theo khu vực sống của thanh thiếu niên khi 14 tuổi cho thấy nam thanh thiếu ở nội và ngoại thành tỉnh khác có tỷ lệ đồng ý với nhận định này thấp hơn đáng kể so với nhóm nội và ngoại thành Hà Nội, cụ thể có 8,4% ở nội thành tỉnh khác so với 19% ở nội thành Hà Nội và 16% ở ngoại thành tỉnh khác với 26,6% ngoại thành của Hà Nội (Bảng 3). Nữ ở nhóm tuổi 21-24, học vấn tiểu học, sống ở khu vực ngoại thành, có việc làm được trả lương đồng ý với nhận định này cao hơn so với nhóm còn lại. Ví dụ, 25,9% nữ ở cấp tiểu học đồng ý so với 12-15% đối với các nhóm học vấn còn lại; 18,4% ở nhóm có việc làm được trả công so với 10,2% nhóm còn lại (Bảng 4).

2.3 Quan điểm về cách cư xử trong cuộc sống

Các thang giá trị về cuộc sống cũng thể hiện ở chỉ báo về mối quan hệ giữa con người với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Cùng với sự biến đổi của đời sống xã hội, những chuẩn mực xã hội cũng thay đổi và tác động đến nhận thức của thanh thiếu niên. Trước đây các giá trị chuẩn mực như “cống hiến cho lợi ích xã hội” hoặc “tất cả vì tập thể” được đề cao, được đặt lên trên nhu cầu cá nhân bởi bản thân nó có giá trị lịch sử. Trong thời kỳ kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa, các giá trị này giúp con người nêu cao tinh thần yêu nước, đấu tranh giải phóng dân tộc. Trải qua hơn 20 năm đổi mới, với tiến trình hội nhập sâu rộng đã có sự thay đổi trong suy nghĩ và lối sống của nhiều người dân, đặc biệt là lớp thanh thiếu niên. Chính vì vậy, mà giới trẻ hiện nay quan tâm nhiều hơn đến lợi ích cá nhân, đề cao sự năng động, tự chủ của cá nhân hơn là sự phụ thuộc. Tính thực tiễn và hiệu quả, tính không công thức trong quan hệ, trong công việc dần thay thế cho mô hình giao tiếp mang tính công thức, phụ thuộc và tình nghĩa (Đỗ Ngọc Hà, 2000:23). Cũng theo nghiên cứu của tác giả này có gần 68,7% thanh niên cho rằng họ quan tâm đến những việc của bản thân và công việc tập thể, và có 14,5% là chỉ quan tâm đến việc riêng của cá nhân.

Số liệu từ Bảng 2 cho thấy có 56,2% thanh thiếu niên đồng ý với nhận định “Người ta nên quan tâm đến nhu cầu của người khác trước khi quan tâm đến nhu cầu của bản thân”, trong khi có 17,9% không đồng ý. Như vậy hơn một nửa số thanh thiếu niên khẳng định rõ ràng quan điểm đặt lợi ích của bản thân sau nhu cầu của người khác, cho thấy giá trị chuẩn mực truyền thống như sự đề cao tính cộng đồng, gia đình hơn cái tôi, bản thân vẫn đang duy trì. Đáng chú ý 1/4 số thanh thiếu niên (25,9%)

Bảng 2. Thái độ của thanh thiếu niên trước các cách cư xử trong cuộc sống (%)

	Không đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Tổng số	N
Người ta nên quan tâm đến nhu cầu của người khác trước khi quan tâm đến nhu cầu của bản thân	17,9	56,2	25,9	100	6363
Người ta nên khiêm tốn và nhã nhặn	1,3	92,8	5,9	100	6363

không đưa ra ý kiến, như vậy khi có va chạm hay có xung đột về lợi ích giữa các cá nhân thì thái độ ứng xử của nhóm thanh thiếu niên này hẳn là chưa rõ ràng và chưa có sự lựa chọn cụ thể.

Đối với nhóm nam thanh thiếu niên, kết quả từ điều tra này không cho thấy có sự khác biệt về tỷ lệ đồng ý theo nhóm tuổi (nhóm tuổi 15-17 có tỷ lệ đồng ý cao hơn không đáng kể), và theo học vấn. Có sự khác biệt nhỏ khi xem xét theo nơi sống khi 14 tuổi của nam thanh thiếu giữa khu vực nội thành và ngoại thành (đối với cả Hà Nội và ngoại tỉnh). Nam thanh thiếu niên ở ngoại thành Hà Nội và ngoại thành tỉnh khác có tỷ lệ đồng ý cao hơn so với nhóm nội thành Hà Nội và tỉnh khác (61,9% và 63,5% so với 57,7 và 57,3%). Tỷ lệ đồng ý của nam thanh thiếu niên có việc làm được trả công cao hơn so với nhóm không có việc làm (62,4% so với 54,6% (Bảng 3). Đối với nhóm nữ thanh thiếu niên cũng không cho thấy có sự khác biệt theo nhóm tuổi, theo học vấn về tỷ lệ đồng ý. Tuy nhiên, nữ thanh thiếu niên ở nội và ngoại thành Hà Nội khi 14 tuổi có tỷ lệ đồng ý cao hơn so với nhóm ngoại tỉnh. Nữ thanh thiếu niên có việc làm được trả công có tỷ lệ đồng ý cao hơn so với nhóm không có việc làm (55% so với 49%) (Bảng 4).

Đối với nhận định về cách ứng xử trong giao tiếp hàng ngày “Người ta nên khiêm tốn và nhã nhặn” kết quả cho thấy có tới 92,8% VTN và TN đồng ý, một tỷ lệ rất nhỏ không đồng ý (1,3%) và 5,9% không đưa ra ý kiến (Bảng 2). Như vậy phẩm chất khiêm tốn và nhã nhặn vốn là

Bảng 3. Tỷ lệ đồng ý với các nhận định về tình yêu và hôn nhân theo một số đặc điểm của nam VTN và TN (%)

	Nhận định về tình yêu		Về hôn nhân		Về cách cư xử	
	Dù chồng thành công hay thất bại phụ nữ vẫn nên sát cánh bên chồng	Phụ nữ không nên là người tổ tình trước	Trong một số trường hợp, việc chồng đánh vợ có thể chấp nhận được	Người li dị sẽ bị mất thể diện trước mọi người	Người ta nên quan tâm đến nhu cầu của người khác trước khi quan tâm đến nhu cầu bản thân	Người ta nên khiêm tốn và nhã nhặn
Chung	93,0	35,9	14,7	19,8	59,8	92,2
Nhóm tuổi						
15-17	91,6	21,7	14,3	23,9	62,0	92,6
18-20	92,4	23,0	14,3	18,2	59,1	90,7
21-24	94,5	20,0	15,2	18,4	59,0	93,1
Học vấn						
Tiểu học	92,7	29,2	11,5	35,4	52,1	90,6
THCS	92,0	25,3	16,0	25,7	61,7	92,5
THPT	93,2	19,6	14,5	16,2	59,3	92,2
TC, CĐ, ĐH+	95,3	16,9	12,5	15,0	58,9	91,5
Nơi sống khi 14 tuổi						
Nội thành Hà Nội	90,3	19,3	13,3	19,0	57,7	90,4
Ngoại thành Hà Nội	97,6	25,7	17,5	26,0	61,9	94,9
Nội thành tỉnh khác	95,4	14,1	10,3	8,4	57,3	93,9
Ngoại thành tỉnh khác	91,3	24,1	16,0	16,6	63,5	91,3
Việc làm được trả công						
Có	94,4	24,1	15,6	22,1	62,0	91,9
Không	93,8	17,4	14,3	18,5	54,6	95,2

một chuẩn mực được coi trọng trong truyền thống và đến nay vẫn được thanh thiếu niên ủng hộ. Đối với nam thanh thiếu niên, tỷ lệ đồng ý với nhận định này không có khác biệt theo nhóm tuổi, học vấn, khu vực sống khi 14 tuổi, song nhóm không có việc được trả công lại có tỷ lệ cao hơn so với nhóm có việc làm được trả công (5 điểm %) (Bảng 3). Tỷ lệ

Bảng 4. Tỷ lệ đồng ý với các nhận định về tình yêu và hôn nhân theo một số đặc điểm của nữ VTN và TN (%)

	Nhận định về tình yêu		Về hôn nhân		Về cách cư xử	
	Dù chống thành công hay thất bại phụ nữ vẫn nên sát cánh bên chồng	Phụ nữ không nên là người tổ tình trước	Trong một số trường hợp, việc chống đánh vợ là có thể chấp nhận được	Người li dị sẽ bị mất thể diện trước mọi người	Người ta nên quan tâm đến nhu cầu của người khác trước khi quan tâm đến nhu cầu bản thân	Người ta nên khiêm tốn và nhã nhặn
Chung	94,7	19,3	9,3	13,9	52,6	93,5
Nhóm tuổi						
15-17	91,9	23,5	8,3	14,3	54,8	90,9
18-20	96,0	17,9	10,3	11,1	52,0	93,7
21-24	95,5	17,5	9,0	16,2	51,6	95,0
Học vấn						
Tiểu học	87,0	38,9	13,0	25,9	48,1	90,7
THCS	93,1	24,8	8,8	15,4	56,2	91,2
THPT	96,1	16,0	9,6	12,3	50,4	94,7
TC, CĐ, ĐH +	93,8	16,2	8,2	15,6	50,4	94,3
Nơi sống khi 14 tuổi						
Nội thành Hà Nội	92,5	16,9	8,5	11,0	50,8	91,2
Ngoại thành Hà	97,5	24,5	9,1	18,5	61,7	95,2
Nội thành tỉnh khác	94,6	14,0	12,1	11,7	39,7	96,5
Ngoại thành tỉnh	96,2	20,0	10,2	15,2	49,1	95,2
Việc làm được trả công						
Có	95,2	22,7	8,7	18,4	55,0	94,0
Không	97,1	13,3	6,4	10,2	49,4	94,5

đồng ý với nhận định này ở nhóm nữ thanh thiếu niên có xu hướng rõ hơn theo nhóm tuổi và học vấn, có nghĩa tuổi càng cao và học vấn càng cao thì tỷ lệ đồng ý cũng cao hơn, mặc dù khoảng cách khác biệt là không lớn. Các tương quan còn lại là không có khác biệt (Bảng 4).

3. Một số nhận xét

Nhìn chung, định hướng giá trị của mỗi cá nhân có thể có những mâu thuẫn nội tại riêng. Việc lựa chọn các giá trị có ý nghĩa đối với cá nhân hoặc nhóm thể hiện ở thái độ ưa thích, ủng hộ và hành động để hiện thực hoá các giá trị đó (Lâm Thị Bích Hoà, 2009) dường như là cả một quá trình. Qua kết quả nghiên cứu này có thể thấy một số giá trị truyền thống vẫn đang được coi trọng một cách tuyệt đối và một số giá trị mới khác dường như đang trong giai đoạn định hình và phát triển.

Thanh thiếu niên ngày nay vẫn coi trọng các giá trị truyền thống trong tình yêu, hôn nhân và về phẩm chất như đa số thanh thiếu niên ủng hộ sự chung thủy, sự chia sẻ trong hoạn nạn của người vợ với người chồng, phẩm chất khiêm tốn và nhã nhặn trong ứng xử (93%). Những chuẩn mực giá trị mới trong cuộc sống đang được định hình và phát triển thể hiện ở việc có gần 2/3 thanh thiếu niên phản đối việc đánh vợ trong bất kỳ trường hợp nào; trên dưới một nửa số thanh thiếu niên coi việc ly hôn điều hoàn toàn bình thường trong xã hội, hoặc trong tình yêu họ đồng tình với việc phụ nữ có thể là người tử tình trước. Có một nửa ủng hộ cách đặt nhu cầu của người khác lên trước, trong khi một tỷ lệ không nhỏ (25,9%) không nêu ra ý kiến cho thấy không dễ dàng khi đưa quan điểm rõ ràng và dứt khoát (ngay cả đối với một người đã trưởng thành) trong lựa chọn ưu tiên giữa lợi ích của cá nhân và lợi ích của người khác. Kết quả từ các tương quan cho thấy một vài điểm khác biệt theo giới tính nhóm tuổi, học vấn, khu vực sống. Nữ thanh thiếu niên thể hiện thái độ không ủng hộ cao hơn đáng kể so với nam trước nhận định chấp nhận việc bạo lực của chồng đối với vợ; trong khi đó, nam thanh thiếu niên ở khu vực ngoại thành đồng ý với nhận định này cao hơn ở khu vực nội thành. Về nhận định rằng người đã ly dị sẽ mất thể diện, tỷ lệ đồng ý cao hơn ở nhóm nam thanh niên trẻ hơn và học vấn thấp hơn.

Để có thể lý giải những khác biệt này cũng như hiểu được nguyên nhân tại sao một số các giá trị truyền thống vẫn được đa số thanh thiếu niên ủng hộ và một số giá trị đang tạo ra ý kiến khác biệt, hoặc thậm chí chưa thể hiện thái độ rõ ràng, cần có những nghiên cứu đầy đủ hơn và được phân tích sâu hơn bằng phương pháp đa biến.

Bên cạnh đó, ngoài các yếu tố đã đánh giá ở trên thì liệu vai trò của gia đình, của cha mẹ có ý nghĩa như thế nào trong định hướng giá trị của con cái? Trong bối cảnh xã hội chuyển đổi nhanh chóng, đối tượng bị

tác động nhiều nhất thường là lớp thanh thiếu niên. Cần có những phân tích mới để làm rõ hơn vai trò của gia đình và cha mẹ trong việc góp phần duy trì các giá trị chuẩn mực truyền thống cũng như định hướng giá trị mới cho VTN và TN. ■

Tài liệu tham khảo

- Đặng Vũ Cảnh Linh. 2008. “Một số chỉ báo về định hướng giá trị của sinh viên các trường đại học hiện nay”. *Tạp chí Tâm Lý học*, số 1 (106) (1/2008), tr 42-46.
- Đỗ Long. 1999. “Định hướng giá trị và sự phát triển của thế hệ trẻ”. *Tạp chí Tâm lý học*, số 3 (6/1999), tr 9-tr12.
- Đỗ Ngọc Hà. 2000. “Một số nét tâm lý đặc trưng về định hướng giá trị của thanh niên hiện nay”. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2 (4/2000), tr 21-24.
- Huỳnh Văn Sơn. 2009. Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Tạp chí Tâm Lý học*, số 5 (122) (5/2009), tr 7-12.
- Lâm Thị Bích Hoà. 2009. “Định hướng giá trị, nhu cầu, lợi ích – Yếu tố tâm lý quan trọng ảnh hưởng đến tính tích cực lao động của cán bộ, công chức hiện nay. *Tạp chí Tâm Lý học*, số 6 (123) (6/2009), tr 28-34.
- Lê Hương. 2003. “Đánh giá định hướng giá trị của con người”. *Tạp chí Tâm Lý học*, số 7 (7/2003).
- Nguyễn Thị Mai Lan, 2009. “Định hướng giá trị nhân cách của học sinh trung học phổ thông thể hiện trong quan hệ gia đình và quan hệ bạn bè”. *Tạp chí Tâm Lý học*, số 8 (125) (8/2009), tr 19-25.
- Phạm Minh Hạc. 2007. Nghiên cứu giá trị nhân cách trong thời Đổi mới (Toàn cầu hoá). *Tạp chí Tâm Lý học*, số 9 (102) (9/2007), tr 1-5.
- Trần Thị Vinh. 1992. “Quốc triều hình luật và làng xã đối với phụ nữ trong xã hội Việt Nam cổ truyền”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 3/1992.
- Trung tâm Nghiên cứu phát triển y tế cộng đồng (CCRD). 2008. *Về Lối sống, giá trị và sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng của thanh niên Việt Nam*. Báo cáo nghiên cứu. Tháng 1, 2008.
- Vũ Thị Phụng. 1991. “Vị thế của người Phụ nữ trong pháp luật phong kiến Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 4/1991.